

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân Anh và ông Đào Văn Hậu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, về việc tranh chấp: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959. "Có mặt".

- Bị đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1961. "Vắng mặt".

Cùng nơi ĐKKH: Tổ N, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: Tổ M, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì bà Nguyễn Thị Nga trình bày:

Bà và ông Ngô Văn P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/1982 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai- Kon Tum (Nay là thành phố K, tỉnh Kon Tum). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống hạnh phúc đến năm 2003 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong mọi chuyện, cãi nhau, đánh nhau, xúc phạm nhau, vợ chồng sống với nhau nhưng không có hạnh phúc, ông, bà đã sống ly thân nhau gần 10 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, việc ai người nấy làm, ông P đi đâu bà không quan tâm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn yêu thương ông P nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn P để bà ổn định cuộc sống; Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên bà không yêu cầu giải quyết; Về tài sản, nợ nần: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí DSST bà nhận chịu.

Bị đơn: Ông Ngô Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện quyền nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà N: Bà N được ly hôn với ông P. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không xem xét giải quyết; Về tài sản, nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí DSST (Án phí ly hôn) bà N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Văn P đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Ngô Văn P.

[2] Về nội dung vụ án:

* **Về Quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Ngô Văn P là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà N và ông P đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm, đánh nhau, sống không có hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống (BL 45). Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông P. Ông P biết được việc bà N xin ly hôn với ông nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà N, cố tình vắng mặt tại phiên tòa (BL 45) nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và ông P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng bà N, ông P không còn có sự tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà N và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P là có căn cứ cần được chấp nhận là đúng với quy định của pháp luật.

* **Về con chung:** Các con chung của ông, bà đã đều đủ 18 tuổi và tự lập được (có gia đình riêng), bà N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

* **Về tài sản và nợ chung:** Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề ngày 12 tháng 4 năm 2021.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Ngô Văn P;
2. Về con chung: Các con chung của ông, bà đã đều đủ 18 tuổi và tự lập được, bà N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, nợ nần: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng bà N thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08 tháng 9 năm 2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP K;
- UBND xã Đt;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung

